

THÔNG BÁO

Về kết quả xét nâng lương trước thời hạn do đạt thành tích xuất sắc năm 2025

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/02/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Quyết định số 1559/QĐ-BGDĐT ngày 04/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương, nâng bậc lương; nghỉ hưu, kéo dài thời gian công tác đối với viên chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ kết luận cuộc họp ngày 04/02/2026 của Hội đồng lương về việc xét danh sách viên chức được nâng bậc lương trước thời hạn do đạt thành tích xuất sắc năm 2025, Hiệu trưởng thông báo đến toàn thể viên chức kết quả xét nâng lương như sau:

- Tổng số người đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn do đạt thành tích xuất sắc năm 2025: 57 người.

- Số viên chức không đạt điều kiện: 02 người.

- Số viên chức đủ điều kiện nâng bậc lương trước hạn: 55 người (có danh sách kèm theo).

*Thông báo Kết quả xét nâng bậc lương trước thời hạn do đạt thành tích xuất sắc năm 2025 kèm danh sách được đăng tải trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Trường. Ý kiến phản hồi gửi về phòng Tổ chức Cán bộ **trước ngày 10/02/2026** (gặp đ/c Tùng).*

Nhận được Thông báo này, yêu cầu Lãnh đạo, Công đoàn các đơn vị thông báo đến toàn thể viên chức, người lao động. Các trường hợp không có ý kiến phản hồi sẽ không giải quyết khiếu nại về sau.

Nơi nhận:

- Các đơn vị;
- TT.CNTT&TV (đăng website Trường)
- Lưu: VT, TCCB (T03b).

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thanh Trúc

Phụ lục

DANH SÁCH VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN
DO LẬP THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số: /TB-ĐHTN ngày tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

T T	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc lương						Kết quả nâng bậc lương trước thời hạn năm 2025						Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương g ở bậc hiện giữ	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (Mã số)	Bậc lương g sau nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau	Hệ số lương tăng thêm do nâng bậc/ phụ cấp thâm niên vượt khung (hệ số chênh lệch)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Nguyễn Thị Tĩnh		27/10/1976	Ban Giám Hiệu	TS	V.07.01.02	3	5,08	0	01/06/2023	V.07.01.02	4	5,42	0	01/06/2025	0,34	
2	Y Cuôr Bkrông	29/05/1987		K.Ngoại ngữ	ThS	V.07.01.02	2	4,74	0	01/12/2023	V.07.01.02	3	5,08	0	01/12/2025	0,34	
3	Phạm Hùng Mạnh	21/03/1980		K Sư phạm	TS	V.07.01.02	1	4,4	0	01/07/2023	V.07.01.02	2	4,74	0	01/07/2025	0,34	
4	Chu Vương Thìn	24/07/1988		K Sư phạm	TS	V.07.01.02	1	4,4	0	01/07/2023	V.07.01.02	2	4,74	0	01/07/2025	0,34	
5	Nguyễn Thị Ánh Mai		01/08/1985	K Sư phạm	TS	V.07.01.02	2	4,74	0	01/12/2023	V.07.01.02	3	5,08	0	01/12/2025	0,34	
6	Lê Thị Thuý An		02/02/1986	K Sư phạm	TS	V.07.01.02	2	4,74	0	01/12/2023	V.07.01.02	3	5,08	0	01/12/2025	0,34	
7	Bùi Thị Phương Thảo		01/04/1982	K Sư phạm	ThS	V.07.01.03	3	3,0	0	01/01/2023	V.07.01.03	4	3,33	0	01/01/2025	0,33	
8	Lại Thị Ngọc Hạnh		04/09/1984	K. LLCT	TS	V.07.01.02	2	4,74	0	01/02/2023	V.07.01.02	3	5,08	0	01/02/2025	0,34	
9	Lê Thị Hồng Hạnh		21/04/1990	K LLCT	TS	V.07.01.02	1	4,4	0	01/07/2023	V.07.01.02	2	4,74	0	01/07/2025	0,34	
10	Trịnh Thị Huyền Trang		01/01/1988	K. KHTNCN	TS	V.07.01.02	1	4,4	0	01/07/2023	V.07.01.02	2	4,74	0	01/07/2025	0,34	
11	Phan Tứ Quý	12/03/1982		K. KHTNCN	TS	V.07.01.02	2	4,74	0	01/02/2023	V.07.01.02	3	5,08	0	01/02/2025	0,34	
12	Đặng Thị Thùy My		19/06/1988	K. KHTNCN	ThS	V.07.01.02	1	4,4	0	01/07/2023	V.07.01.02	2	4,74	0	01/07/2025	0,34	
13	Phan Thị Kim Thư		19/12/1989	K. KHTNCN	TS	V.07.01.02	1	4,4	0	01/07/2023	V.07.01.02	2	4,74	0	01/07/2025	0,34	
14	Nguyễn Hữu Kiên	18/08/1992		K. KHTNCN	ThS	V.07.01.03	3	3,0	0	01/01/2023	V.07.01.03	4	3,33	0	01/01/2025	0,33	
15	Ninh Thị Minh Giang		18/04/1990	K. KHTNCN	ThS	V.07.01.03	4	3,33	0	01/04/2023	V.07.01.03	5	3,67	0	01/04/2025	0,34	

16	Nguyễn Văn Minh	05/01/1977		K. Nông nghiệp	TS	V.07.01.01	1	6,2	0	22/03/2023	V.07.01.01	2	6,56	0	01/04/2025	0,36	
17	Nguyễn Thị Ngọc Quyên		30/11/1983	K. Nông nghiệp	TS	V.07.01.02	2	4,74	0	01/12/2023	V.07.01.02	3	5,08	0	01/12/2025	0,34	
18	Nguyễn Đức Điện	16/02/1984		K. Nông nghiệp	ThS	V.07.01.02	1	4,4	0	01/07/2023	V.07.01.02	2	4,74	0	01/07/2025	0,34	
19	Trần Thị Lệ Trà		01/01/1988	K. Nông nghiệp	TS	V.07.01.02	1	4,4	0	01/07/2023	V.07.01.02	2	4,74	0	01/07/2025	0,34	
20	Nguyễn Thủy Cường		12/09/1985	K. Nông nghiệp	TS	V.07.01.02	1	4,4	0	01/07/2023	V.07.01.02	2	4,74	0	01/07/2025	0,34	
21	Cao Thị Hoài		24/06/1986	K. Nông nghiệp	TS	V.07.01.02	2	4,74	0	01/12/2023	V.07.01.02	3	5,08	0	01/12/2025	0,34	
22	Mai Thị Hải Anh		20/10/1984	K. Nông nghiệp	TS	V.07.01.02	2	4,74	0	01/12/2023	V.07.01.02	3	5,08	0	01/12/2025	0,34	
23	Nguyễn Thanh Tân	20/07/1968		K. Nông nghiệp	TS	V.07.01.01	1	6,2	0	07/08/2023	V.07.01.01	2	6,56	0	01/08/2025	0,36	
24	Hoàng Thị Ngọc Diệp		26/11/1988	K. Y Dược	ThS	V.07.01.03	4	3,33	0	02/12/2023	V.07.01.03	5	3,66	0	01/12/2025	0,33	
25	Lê Thị Mơ		08/02/1988	K. Y Dược	ThS	V.07.01.03	4	3,33	0	01/08/2023	V.07.01.03	5	3,66	0	01/08/2025	0,33	
26	Vũ Thị Lan Anh		04/05/1985	K. Y Dược	CK2	V.07.01.02	1	4,4	0	01/07/2023	V.07.01.02	2	4,74	0	01/07/2025	0,34	
27	Phan Thị Huyền Trang		06/04/1988	K. Y Dược	ThS	V.07.01.02	1	4,4	0	01/07/2023	V.07.01.02	2	4,74	0	01/07/2025	0,34	
28	Chu Thị Giang Thanh		10/09/1987	K. Y Dược	ThS	V.07.01.02	1	4,4	0	01/07/2023	V.07.01.02	2	4,74	0	01/07/2025	0,34	
29	Nguyễn Thị Kim Quyên		15/01/1982	K. Y Dược	ThS	V.07.01.02	1	4,4	0	01/07/2023	V.07.01.02	2	4,74	0	01/07/2025	0,34	
30	Trương Ngô Ngọc Lan		17/07/1985	K. Y Dược	ThS	V.07.01.03	5	3,66	0	01/02/2023	V.07.01.03	6	3,99	0	01/02/2025	0,33	
31	Nguyễn Thị Lệ Quyên		03/07/1993	K. Y Dược	ĐH	V.08.07.19	5	2,66	0	01/07/2024	V.08.07.19	6	2,86	0	01/10/2025	0,2	
32	Hoàng Thị Ánh Tuyết		02/08/1987	K. Y Dược	ĐH	V.08.07.19	8	3,26	0	01/08/2023	V.08.07.19	9	3,46	0	01/08/2025	0,2	
33	Nguyễn Thị Hồng		16/06/1985	K. Y Dược	ĐH	V.08.08.22	5	3,66	0	01/04/2023	V.08.08.22	6	3,99	0	01/04/2025	0,33	
34	Bùi Thị Thu Hằng		20/08/1984	K Kinh tế	TS	V.07.01.02	2	4,74	0	01/02/2023	V.07.01.02	3	5,08	0	01/02/2025	0,34	
35	Hà Thị Kim Duyên		10/04/1985	K Kinh tế	TS	V.07.01.02	1	4,4	0	01/07/2023	V.07.01.02	2	4,74	0	01/07/2025	0,34	
36	Nguyễn Hà Hồng Anh		24/01/1987	K Kinh tế	TS	V.07.01.02	1	4,4	0	01/07/2023	V.07.01.02	2	4,74	0	01/07/2025	0,34	
37	Nguyễn Thị Trà Giang		10/07/1987	K Kinh tế	ThS	V.07.01.02	1	4,4	0	01/07/2023	V.07.01.02	2	4,74	0	01/07/2025	0,34	
38	Nguyễn Văn Hóa	20/07/1966		K.Kinh tế	TS	V.07.01.01	1	6,2	0	07/08/2023	V.07.01.01	2	6,56	0	01/08/2025	0,36	
39	Nguyễn Hải Đăng	19/01/1987		P. Pháp chế	ThS	V.07.01.02	1	4,4	0	01/07/2023	V.07.01.02	2	4,74	0	01/07/2025	0,34	
40	Nguyễn Trường Tam	17/10/1979		P. Pháp chế	ThS	V.07.01.02	1	4,4	0	01/07/2023	V.07.01.02	2	4,74	0	01/07/2025	0,34	
41	Hoàng Quang Duy	24/07/1984		P.TCCB	TS	V.07.01.02	2	4,74	0	01/02/2023	V.07.01.02	3	5,08	0	01/02/2025	0,34	
42	Nguyễn Văn Minh	19/04/1985		P.TCCB	ThS	V.07.01.02	2	4,74	0	01/08/2023	V.07.01.02	3	5,08	0	01/08/2025	0,34	
43	Phạm Thị Oanh		20/12/1984	P. QLCL	ThS	V.07.01.02	2	4,74	0	01/02/2023	V.07.01.02	3	5,08	0	01/05/2025	0,34	
44	Trần Văn Cường	12/02/1986		P. QLCL	TS	V.07.01.02	1	4,4	0	01/07/2023	V.07.01.02	2	4,74	0	01/07/2025	0,34	
45	Nguyễn Thị Vân Linh		06/10/1983	P. Đào tạo	ThS	01.003	6	3,99	0	01/10/2023	01.003	7	4,32	0	01/10/2025	0,33	
46	Ao Xuân Hoà	28/02/1983		P. Đào tạo	TS	07.02.01	2	4,74	0	01/02/2023	07.02.01	3	5,08	0	01/02/2025	0,34	
47	Đặng Thị Thanh Hà		08/12/1983	P. KHHTĐMST	TS	V.07.01.02	2	4,74	0	01/12/2023	V.07.01.02	3	5,08	0	01/12/2025	0,34	
48	Lê Thụy Vân Nhi		23/07/1978	P. KHHTĐMST	ThS	01.002	2	4,74	0	01/03/2023	01.002	3	5,08	0	01/03/2025	0,34	

49	Mã Thị Kim Hà		17/07/1985	P.HCTH	ThS	01.003	5	3,66	0	01/05/2023	01.003	6	3,99	0	01/05/2025	0,33	
50	Nguyễn Đức Quyền	24/11/1986		P.HCTH	TS	V.07.01.02	1	4,4	0	01/07/2023	V.07.01.02	2	4,74	0	01/07/2025	0,34	
51	Mai Thị Quỳnh Trang		03/05/1982	P. KHTC	ĐH	06.031	5	3,66	0	01/03/2023	06.031	6	3,99	0	01/03/2025	0,33	
52	Phạm Thị Nga		10/10/1984	TT. NN-TH	ĐH	01.003	4	3,33	0	01/6/2023	01.003	5	3,66	0	01/09/2025	0,33	
53	Rơ Lan Anhi	11/09/1992		TT. NN-TH	ThS	V.07.01.03	3	3	0	01/01/2023	V.07.01.03	4	3,33	0	01/01/2025	0,33	
54	Trần Thị Thùy Trang		01/09/1978	T. MNTH 11/11	ThS	V.07.01.02	3	5,08	0	01/06/2023	V.07.01.02	4	5,42	0	01/06/2025	0,34	
55	Lại Văn Văn	23/04/1985		T. THPTTHCN	ĐH	V.07.05.15	6	3,99	0	01/4/2023	V.07.05.15	7	4,32	0	01/04/2025	0,33	

Danh sách gồm 55 người.